TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 170/2026/DS-PT
Ngày: 25/3/2026
V/v: Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đăng

Các Thẩm phán: Ông Dư Thành Trung

Ông Đặng Ngọc Bình

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng: Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 38/2026/TLPT-DS ngày 15/01/2026 về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản".

Do Bản án sơ thẩm số 81/2025/DS-ST ngày 25/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 176/2026/QĐ-PT ngày 12/3/2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Ngô Thị Mai H, sinh năm 1963; địa chỉ: Số D T, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng,

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn Q, sinh năm 1955; địa chỉ: Thôn Đ, xã N, tỉnh Lâm Đồng. Văn bản ủy quyền ngày 28/5/2025.

2. Bị đơn: Bà Vũ Thị Kim H1, sinh năm 1963; địa chỉ: Số C P, phường L - Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Thành N, sinh năm 1971; địa chỉ: Số E H, phường X - Đ, tỉnh Lâm Đồng. Văn bản ủy quyền ngày 09/6/2025.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1964; địa chỉ: Hẻm D H, phường X - Đ, tỉnh Lâm Đồng.

3.2. Công ty cổ phần C2; địa chỉ: Tầng C, Tòa nhà V - số A T, phường T, Thành phố Hà Nội.

3.3. Bà Phạm Thị Mỹ P, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn H, xã Đ, tỉnh Quảng Nam.

4. Người kháng cáo: Bị đơn bà Vũ Thị Kim H1.

Tại phiên tòa: Ông Phạm Văn Q, ông Vũ Thành N có mặt. Bà Nguyễn Thị T, bà Phạm Thị Mỹ P, Công ty cổ phần C2 thanh toán Ngân Lượng vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Ngô Thị Mai H trình bày: Do quen biết nên bà cho bà H1 vay 2.357.160.000đ, lãi suất thỏa thuận bằng lời nói, giao dịch hai bên chủ yếu thông qua chuyển khoản, cụ thể như sau:

- Ngày 28/6/2018, bà chuyển cho bà H1 vay 300.000.000đ thông qua Ngân hàng TMCP N2. Thời hạn vay 01 tháng, lãi suất 6%/tháng.

- Ngày 29/6/2018, bà chuyển cho bà H1 vay 235.000.000đ thông qua Ngân hàng TMCP N2. Thời hạn vay 01 tháng, lãi suất 6%/tháng.

- Ngày 23/6/2018, bà chuyển cho bà H1 vay 200.000.000đ thông qua Ngân hàng S. Thời hạn vay 01 tháng, lãi suất 6%/tháng.

- Ngày 01/6/2018, bà chuyển cho bà H1 vay 300.000.000đ thông qua Ngân hàng TMCP N2. Thời hạn vay 01 tháng, lãi suất 6%/tháng.

- Ngày 15/6/2018, bà chuyển cho bà H1 vay 500.000.000đ thông qua Ngân hàng S. Thời hạn vay 01 tháng, lãi suất 6%/tháng.

- Ngày 15/6/2018, bà chuyển cho bà H1 vay 230.000.000đ (làm tròn) thông qua Ngân hàng S, (số tiền này bà chuyển vào tài khoản số 020026767068 của Công ty cổ phần C2 thanh toán Ngân Lượng để thanh toán phiếu thu số 10233703 cho bà H1). Thời hạn vay 01 tháng, lãi suất 6%/tháng.

- Ngày 30/5/2018, bà chuyển cho bà H1 vay 239.660.000đ thông qua Ngân hàng TMCP N2, (số tiền này bà chuyển vào tài khoản số 0541000197891 của Công ty cổ phần C2 thanh toán Ngân Lượng để thanh toán phiếu thu số 10082799 cho bà H1). Thời hạn vay 01 tháng, lãi suất 6%/tháng.

- Ngày 03/7/2018, bà chuyển cho bà H1 vay 132.500.000đ, số tiền này bà chuyển vào số tài khoản số 050040927570 của bà Phạm Thị Mỹ P mở tại Ngân hàng TMCP N2 theo thông tin của bà H1 gửi. Thời hạn vay 01 tháng, lãi suất 6%/tháng.

- Ngày 12/7/2018, bà chuyển cho bà H1 vay 120.000.000đ, số tiền này bà nhờ bà Nguyễn Thị T chuyển khoản vào số tài khoản 0561003847838 của bà H1 mở tại Ngân hàng TMCP N2. Thời hạn vay 01 tháng, lãi suất 6%/tháng.

- Ngày 12/7/2018, bà chuyển cho bà H1 vay 200.000.000đ, số tiền này bà nhờ bà Nguyễn Thị T chuyển khoản vào số tài khoản 0561003847838 của bà H1 mở tại Ngân hàng TMCP N2. Thời hạn vay 01 tháng, lãi suất 6%/tháng.

Từ khi vay tiền cho đến nay bà nhiều lần yêu cầu bà H1 trả số tiền nợ gốc và lãi nhưng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ mà nại ra lý do đầu tư chứng khoán thua lỗ, phá sản.

Nay bà H khởi kiện yêu cầu bà H1 phải trả số tiền nợ gốc 2.357.160.000đ; số tiền nợ lãi từ ngày 12/7/2018 đến ngày 12/5/2023, với lãi suất 1,66%/tháng là 2.347.731.000đ và yêu cầu trả lãi cho đến ngày giải quyết xong vụ án.

Bị đơn bà Vũ Thị Kim H1 trình bày: Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà H vì giữa bà và bà H không có quan hệ giao dịch vay mượn tiền. Thực tế các khoản tiền bà H chuyển khoản cho bà là nhờ mua cổ phiếu, chứng khoán dùm, cụ thể như sau:

- Số tiền 239.660.000đ chuyển ngày 30/5/2018 bà H là người thanh toán trực tiếp cho Công ty cổ phần C2 thanh toán Ngân Lượng để mua chứng khoán, cổ phiếu của bà H không liên quan gì đến bà.

- Số tiền 500.000.000đ chuyển ngày 15/6/2018 bà H chuyển vào tài khoản của bà nhưng sau đó thông qua số tài khoản chứng khoán của bà H1, bà H1 đã mua toàn bộ cổ phiếu cho bà H.

- Số tiền 230.000.000đ chuyển ngày 15/6/2018 bà H thanh toán trực tiếp cho Công ty cổ phần C2 thanh toán Ngân Lượng để mua cổ phiếu.

- Ngày 01/6/2018, bà H cho rằng có cho bà H1 mượn số tiền 300.000.000đ là không đúng.

- Ngày 23/6/2018, bà H cho rằng có cho bà H1 mượn số tiền 200.000.000đ, số tiền này bà H chuyển vào tài khoản của bà H1, sau đó thông qua tài khoản chứng khoán của bà H1, bà H1 đã mua cổ phiếu, chứng khoán dùm bà H.

- Ngày 28/6/2018, bà H cho rằng bà H1 có mượn số tiền 300.000.000đ là không đúng. Số tiền này bà H chuyển vào tài khoản của bà H1, sau đó thông qua tài khoản chứng khoán của bà H1, bà H1 đã mua cổ phiếu, chứng khoán cho bà H.

- Ngày 29/6/2018, bà H cho rằng bà H1 có mượn số tiền 235.000.000đ là không đúng. Số tiền này bà H dùng để thanh toán cho phiếu thu số 10398484 mua chứng khoán.

- Ngày 03/7/2018, bà H cho rằng bà H1 có mượn số tiền 132.500.000đ và nhờ bà H chuyển vào tài khoản của bà Phạm Thị Mỹ P là không đúng. Bà không đồng ý với lời khai của bà P vì bà H1 không biết số tiền này.

- Ngày 12/7/2018, bà H cho rằng bà H1 có mượn số tiền 320.000.000đ là không đúng. Số tiền này thanh toán lần thứ nhất cho phiếu thu 10559581 ngày 12/7/2018 là 300.000.000đ, lần thứ hai bổ sung cho phiếu thu ngày 12/7/2018 vào ngày 13/7/2018 với số tiền 50.155.000đ.

Vì vậy, bà H1 không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H. Vì bà H1 không nợ bà H khoản tiền nào.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T trình bày: Bà là bạn của bà H, ngày 12/7/2018 bà H nhờ bà chuyển số tiền 320.000.000đ cho bà H1 thông qua số tài khoản 0561003847838 mở tại Ngân hàng TMCP N2 của bà H1. Cụ thể bà đã chuyển tiền cho bà H1 02 lần như sau: Lần thứ nhất, bà chuyển số tiền 120.000.000đ, lần thứ hai, bà chuyển số tiền 200.000.000đ. Số tiền 320.000.000đ bà chuyển cho bà H1, bà H đã thanh toán đầy đủ cho bà. Nay bà H khởi kiện yêu cầu bà H1 phải trả cho bà H số tiền này thì bà xác định bà không liên quan gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Mỹ P trình bày: Bà không làm ăn chung với bà H1 và bà H. Bà cũng không cho bà H vay tiền và cũng không mượn tiền của bà H. Số tài khoản 050040927570 mở tại Ngân hàng TMCP N2 là số tài khoản của bà H chuyển tiền vào số tài khoản trên thì bà đã rút toàn bộ số tiền 132.500.000đ đưa cho bà H1. Bà không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần C2 trình bày: Qua kiểm tra các giao dịch chuyển tiền của bà H đến N1 lượng vào ngày 30/5/2018; ngày 15/6/2018 và ngày 29/6/2018 được liệt kê trong công văn đã ghi nhận cho ví điện tử đăng ký bởi thông tin sau: Tên tài khoản: VŨ THỊ KIM H1; Email đăng ký ví: vuthikimhoa1102@gmail.com; Điện thoại: 0983821520; tài khoản ngân hàng liên kết: 050033343008 - VU THỊ KIM HOA-STB. Giao dịch ngày 12/7/2018, Công ty không thể tìm thấy thông tin giao dịch của người chuyển do quá hạn kiểm tra trên ngân hàng; các phiếu thu 10082799, 10233703, 10398484, 10559581 Công ty kiểm tra không thể tìm thấy bản sao các phiếu thu do giao dịch phát sinh từ năm 2018 đã quá hạn kiểm tra và lưu trữ. Đây là giao dịch giữa 2 cá nhân với nhau, Công ty C2 chỉ đóng vai trò là đơn vị trung gian thanh toán nên Công ty cung cấp thông tin và không có ý kiến.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà H rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 1.957.065.124đ (trong đó số tiền nợ gốc 132.500.000đ, nợ lãi 1.824.565.124đ). Nguyên đơn chỉ yêu cầu bà H1 phải trả số tiền nợ gốc 2.224.660.000đ và số tiền nợ lãi với mức lãi suất 10%/năm, tính từ ngày nộp đơn khởi kiện ngày 15/5/2023 cho đến ngày Tòa án xét xử (25/9/2025) và tiếp tục chịu lãi theo quy định của pháp luật, cụ thể như sau 2.224.660.000đ x 28 tháng 10 ngày x 0,83%/tháng = 523.165.876đ. Tổng cộng số tiền nợ gốc và lãi nguyên đơn bà H yêu cầu bà H1 phải trả là 2.747.825.876đ. Bị đơn không đồng ý vì các giao dịch chuyển tiền không thể hiện nội dung chuyển khoản cho bà H1 vay tiền, số tiền bà H chuyển cho bà H1 là tiền đầu tư chứng khoán nên việc đầu tư thua lỗ các bên đều phải chịu rủi ro.

Tại Bản án sơ thẩm số 81/2025/DS-ST ngày 25/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Lâm Đồng đã quyết định, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản" của bà Ngô Thị Mai H đối với bà Vũ Thị Kim H1.

Chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Mai H về việc yêu cầu bà Vũ Thị Kim H1 phải trả cho bà Ngô Thị Mai H số tiền nợ gốc và lãi là 1.957.065.124đ (trong đó số tiền nợ gốc là 132.500.000đ; số tiền nợ lãi 1.824.565.124đ).

1. Buộc bà Vũ Thị Kim H1 phải trả cho bà Ngô Thị Mai H số tiền nợ gốc là 2.224.660.000đ; số tiền nợ lãi là 523.165.876đ. Tổng cộng là 2.747.825.876đ.

2. Đình chỉ xét xử vụ án đối với phần yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Mai H về việc yêu cầu bà Vũ Thị Kim H1 phải trả cho bà Ngô Thị Mai H số tiền nợ gốc và lãi là 1.957.065.124đ (trong đó số tiền nợ gốc là 132.500.000đ; số tiền nợ lãi 1.824.565.124đ). Quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án dân sự đối với phần yêu cầu đã rút trên của bà H được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 218 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ngoài ra quyết định của bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, trách nhiệm thi hành án của các đương sự.

Theo đơn kháng cáo ngày 08/10/2025 của bị đơn bà Vũ Thị Kim H1, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền gốc 2.224.660.000đ và số tiền lãi 523.165.876đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Vũ Thành N là người đại diện theo ủy quyền bị đơn bà Vũ Thị Kim H1 trình bày: Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, bị đơn yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền gốc 2.224.660.000đ và số tiền lãi 523.165.876đ. Tại phiên tòa nguyên đơn không cung cấp tài liệu chứng cứ gì thêm, việc nguyên đơn chuyển tiền không ghi nội dung chuyển, chuyển tiền thông qua trung gian là Công ty cổ phần C2, Zalo thể hiện nội dung đầu tư cổ phần chứng khoán có nội dung của cô C (con gái bà H) có nói đến. Tại bút lục 91 thể hiện giao dịch một số cá nhân rút tiền từ ra từ tài khoản này (như Q1, K, T1, L), vì vậy cũng cần làm rõ những người này rút tiền vào việc gì để xem xét, đánh giá.

Ông Phạm Văn Q là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Ngô Thị Mai H trình bày: Phía bị đơn trình bày nêu trên là không đúng, thông qua tài khoản mở tại Công ty C2 bà H1 là người cho các cá nhân khác rút tiền ra. Tóm lại, nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Vũ Thị Kim H1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T, bà Phạm Thị Mỹ P, Công ty cổ phần C2 thanh toán Ngân Lượng có đơn xin giải quyết vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp giữa các bên đã được Tòa án cấp sơ thẩm xác định đúng quy định của pháp luật, đơn kháng cáo của bà Vũ Thị Kim H1 trong thời hạn luật định và thủ tục kháng cáo được thực hiện đúng quy định tại Điều 271, 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên đủ điều kiện để Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bà Vũ Thị Kim H1, xét thấy:

[2.1] Giữa nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất những lần nguyên đơn chuyển tiền vào tài khoản của bị đơn, bị đơn đã nhận được. Đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[2.2] Thực tế có việc nguyên đơn chuyển tiền cho bị đơn qua những lần nêu trên như nguyên đơn trình bày, bị đơn cho rằng những khoản tiền mà nguyên đơn chuyển cho bị đơn là nguyên đơn nhờ bị đơn mua dùm cổ phiếu, chứng khoán. Tuy nhiên qua các lệnh chuyển, phiếu chuyển không thể hiện thông tin nội dung chuyển, lời trình bày của bị đơn không được nguyên đơn thừa nhận, ngoài lời trình bày bị đơn không xuất trình được tài liệu chứng cứ nào để chứng minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T trình bày: bà T là bạn của bà H, ngày 12/7/2018 bà H nhờ bà T chuyển số tiền 320.000.000đ qua số tài khoản 0561003847838 của bà H1 mở tại Ngân hàng TMCP N2, bà T đã chuyển tiền cho bà H1 02 lần: lần thứ nhất chuyển 120.000.000đ, lần thứ hai chuyển 200.000.000đ, và bà H đã thanh toán lại đầy đủ cho bà T.

Bà Phạm Thị Mỹ P trình bày: Bà P không làm ăn chung với bà H1 và bà H, bà P không cho bà H vay tiền, mượn tiền. Số tài khoản 050040927570 mở tại Ngân hàng TMCP N2 là số tài khoản của bà H chuyển tiền vào số tài khoản của bà P thì bà P rút toàn bộ số tiền 132.500.000đ đã đưa cho bà H1.

Do đó, cấp sơ thẩm buộc bà H1 phải trả cho bà H các khoản tiền mà bà H1 đã nhận khi bà H, bà T chuyển vào tài khoản của bà H1 số 0561003847838 mở tại Ngân hàng N2; tài khoản số 050033343008 mở tại Ngân hàng TMCP S1; cụ thể: 235.000.000đ chuyển ngày 29/6/2018; 300.000.000đ chuyển ngày 28/6/2018; 200.000.000đ chuyển ngày 23/6/2018; 500.000.000đ chuyển ngày 15/6/2018; 300.000.000đ chuyển ngày 01/6/2018; 120.000.000đ chuyển ngày 12/7/2018 (bà Nguyễn Thị Tuyết C1 dùm bà H) và 100.000.000đ chuyển ngày 12/7/2018 (bà Nguyễn Thị Tuyết C1 dùm bà H) là hoàn toàn có căn cứ.

Số tiền 230.000.000đ (làm tròn) ngày 15/6/2018 và 239.660.000đ ngày 30/5/2018 nguyên đơn nộp tiền vào tài khoản của Công ty cổ phần C2 thanh toán Ngân Lượng chuyển vào ví điện tử của bị đơn. Việc này Công ty cổ phần C2 thanh toán Ngân Lượng trình bày: Công ty chỉ đóng vai trò là đơn vị trung gian thanh toán; các giao dịch chuyển tiền của bà Ngô Thị Mai H đến N1 lượng vào ngày 30/5/2018; ngày 15/6/2018 và ngày 29/6/2018 đã ghi nhận cho ví điện tử đăng ký bởi thông tin tên tài khoản: VŨ THỊ KIM H1; Email đăng ký ví: vuthikimhoa1102@gmail.com; Điện thoại: 0983821520; tài khoản ngân hàng liên kết: 050033343008 - VU THI KIM HOA-STB. Đối với giao dịch ngày 12/7/2018 Công ty cổ phần C2 thanh toán Ngân Lượng không thể tìm thấy thông tin giao dịch của người chuyển do quá hạn kiểm tra trên ngân hàng. Đối với các phiếu thu số 10082799 (giấy nộp tiền ngày 30/5/2018); phiếu thu số 10233703 (giấy nộp tiền ngày 15/6/2018); phiếu thu số 10398484 và phiếu thu số 10559681 Công ty không thể tìm thấy bản sao các phiếu thu do giao dịch phát sinh từ năm 2018 đã quá hạn và lưu trữ. Như vậy, mặc dù nội dung của các giấy nộp tiền ngày 15/6/2018 và 30/5/2018 nói trên thể hiện nội dung thanh toán cho phiếu thu số 10233703, 10082799 nhưng nội dung này không thể hiện phiếu thu này của ai, trong khi đó thực tế có việc bà H chuyển tiền vào ví điện tử của bà H1, Toà án đã thông báo yêu cầu bà H, bà H1 cung cấp các phiếu thu nói trên để làm rõ nội dung của các phiếu thu này nhưng các bên đều không cung cấp được nên cấp sơ thẩm buộc bà H1 phải có trách nhiệm trả cho bà H số tiền nói trên là có cơ sở.

[2.3] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 1.957.065.124đ (trong đó nợ gốc 132.500.000đ, nợ lãi 1.824.565.124đ), nay chỉ yêu cầu bà H1 phải trả số tiền nợ gốc 2.224.660.000đ và số tiền lãi với mức lãi suất 10%/năm, tính từ ngày nộp đơn khởi kiện (15/5/2023) cho đến ngày Tòa án xét xử (25/9/2025) và tiếp tục chịu lãi theo quy định pháp luật. Đây là sự tự nguyện, quyền tự định đoạt của đương sự nên cấp sơ thẩm đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp.

[2.4] Về lãi suất, nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày nộp đơn khởi kiện (15/5/2023) đến ngày xét xử sơ thẩm (25/9/2025) với mức lãi suất 10%/năm là phù hợp nên chấp nhận.

Như vậy số tiền lãi được tính: 2.224.660.000đ x 28 tháng 10 ngày x 0,83%/tháng = 523.165.876đ.

[2.5] Với những phân tích nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Mai H. Buộc bà Vũ Thị Kim H1 phải trả cho bà Ngô Thị Mai Hoa H tổng số tiền nợ gốc và lãi: 2.747.825.876đ, trong đó nợ gốc 2.224.660.000đ, nợ lãi 523.165.876đ là hoàn toàn có căn cứ.

[2.6]. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào mới nên không có cơ sở để chấp nhận. Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm như ý kiến Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng là phù hợp.

[3] Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà H1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định, nhưng vì bà H1 thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn án phí.

[4] Tại phần quyết định của Bản án sơ thẩm nêu: Chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Mai H về việc yêu cầu bà Vũ Thị Kim H1 phải trả cho bà Ngô Thị Mai H số tiền nợ gốc và lãi là 1.957.065.124đ (trong đó số tiền nợ gốc là 132.500.000đ; số tiền nợ lãi 1.824.565.124đ) là không phù hợp. Về lãi suất chậm thi hành án tuyên không đúng theo hướng dẫn tại Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Do đó Tòa án cấp phúc thẩm sẽ điều chỉnh lại cách tuyên cho đảm bảo, cấp sơ thẩm cần phải rút kinh nghiệm.

[5] Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của bà Vũ Thị Kim H1. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 81/2025/DS-ST ngày 25/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Lâm Đồng.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 147, Điều 217, Điều 218 khoản 2, Điều 227, khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015. Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015. Điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản" của bà Ngô Thị Mai H đối với bà Vũ Thị Kim H1.

Buộc bà Vũ Thị Kim H1 phải trả cho bà Ngô Thị Mai H số tiền nợ gốc 2.224.660.000đ (Hai tỷ hai trăm hai mươi bốn triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng), số tiền nợ lãi 523.165.876đ (Năm trăm hai mươi ba triệu một trăm sáu mươi lăm nghìn tám trăm bảy mươi sáu đồng), tổng cộng 2.747.825.876đ (Hai tỷ bảy trăm bốn mươi bảy triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn tám trăm bảy mươi sáu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị Mai H về việc yêu cầu bà Vũ Thị Kim H1 phải trả số tiền nợ gốc, lãi 1.957.065.124đ (trong đó nợ gốc 132.500.000đ; nợ lãi 1.824.565.124đ).

Quyền khởi kiện đương sự yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án dân sự đối với phần yêu cầu đã rút được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 218 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

3. Án phí phúc thẩm: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà Vũ Thị Kim H1.

4. Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND khu vực 1 - Lâm Đồng (02);
- Phòng THADS khu vực 1 - Lâm Đồng;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tổ HCTP, Tòa DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Đăng

TÒA ÁN NHÂN DÂNCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH LÂM ĐỒNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 25 tháng 3 năm 2026. Tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đăng

Các Thẩm phán: Ông Dư Thành Trung

Ông Đặng Ngọc Bình

Tiến hành nghị án vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 38/2026/TLPT-DS ngày 15/01/2026 về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản".

Do Bản án sơ thẩm số 81/2025/DS-ST ngày 25/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 176/2026/QĐ-PT ngày 12/3/2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Ngô Thị Mai H, sinh năm 1963; địa chỉ: Số D T, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng,

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn Q, sinh năm 1955; địa chỉ: Thôn Đ, xã N, tỉnh Lâm Đồng. Văn bản ủy quyền ngày 28/5/2025.

2. Bị đơn: Bà Vũ Thị Kim H1, sinh năm 1963; địa chỉ: Số C P, phường L - Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Thành N, sinh năm 1971; địa chỉ: Số E H, phường X - Đ, tỉnh Lâm Đồng. Văn bản ủy quyền ngày 09/6/2025.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1964; địa chỉ: Hẻm D H, phường X - Đ, tỉnh Lâm Đồng.

3.2. Công ty cổ phần C2; địa chỉ: Tầng C, Tòa nhà V - số A T, phường T, Thành phố Hà Nội.

3.3. Bà Phạm Thị Mỹ P, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn H, xã Đ, tỉnh Quảng Nam.

4. Người kháng cáo: Bị đơn bà Vũ Thị Kim H1.

Tại phiên tòa: Ông Phạm Văn Q, ông Vũ Thành N có mặt. Bà Nguyễn Thị T, bà Phạm Thị Mỹ P, Công ty cổ phần C2 thanh toán Ngân Lượng vắng mặt.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,

QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của bà Vũ Thị Kim H1. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 81/2025/DS-ST ngày 25/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Lâm Đồng.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 147, Điều 217, Điều 218 khoản 2, Điều 227, khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015. Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015. Điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

=> Biểu quyết: 3/3

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản" của bà Ngô Thị Mai H đối với bà Vũ Thị Kim H1.

Buộc bà Vũ Thị Kim H1 phải trả cho bà Ngô Thị Mai H số tiền nợ gốc 2.224.660.000đ (Hai tỷ hai trăm hai mươi bốn triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng), số tiền nợ lãi 523.165.876đ (Năm trăm hai mươi ba triệu một trăm sáu mươi lăm nghìn tám trăm bảy mươi sáu đồng), tổng cộng 2.747.825.876đ (Hai tỷ bảy trăm bốn mươi bảy triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn tám trăm bảy mươi sáu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

=> Biểu quyết: 3/3

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị Mai H về việc yêu cầu bà Vũ Thị Kim H1 phải trả số tiền nợ gốc, lãi 1.957.065.124đ (trong đó nợ gốc 132.500.000đ; nợ lãi 1.824.565.124đ).

Quyền khởi kiện đương sự yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án dân sự đối với phần yêu cầu đã rút được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 218 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

=> Biểu quyết: 3/3

3. Án phí phúc thẩm: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà Vũ Thị Kim H1.

=> Biểu quyết: 3/3

4. Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

=> Biểu quyết: 3/3

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

=> Biểu quyết: 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút, cùng ngày 25/3/2026.

Biên bản nghị án các thành viên đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe, đã được đọc lại và cùng ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dư Thành Trung **Đặng Ngọc Bình** **Bùi Đăng**

Đề xuất: Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ngày 30/5/2018: H chuyển cho N1 lượng 239.660.000đ.

Ngày 15/6/2018: H chuyển cho N1 lượng 230.000.000đ (thực tế 230.075.900đ)

Ngày 15/6/2018: H chuyển cho H1 500.000.000đ.

Chuyển qua N1 lượng nhưng ví điện tử đứng tên bà H còn N1 lượng chỉ là trung gian, bà H1 đã nhận số tiền chuyển thông qua N1 lượng.

Ngày 29/6/2018: H chuyển cho H1 235.000.000đ.

Ngày 01/6/2018: H chuyển cho H1 300.000.000đ.

Ngày 23/6/2018: H chuyển cho H1 200.000.000đ.

Ngày 28/6/2018: H chuyển cho H1 300.000.000đ.

Ngày 12/7/2018: T chuyển cho H1 120.000.000đ và 200.000.000đ. T, H đều thừa nhận chuyển giúp H. Nguyên đơn chỉ yêu cầu trả 220.000.000đ là có lợi cho bị đơn 100.000.000đ.

Ngày 03/7/2018: H chuyển cho P 132.500.000đ. Nguyên đơn đã rút yêu cầu đối với số tiền này.

Tổng số tiền gốc yêu cầu trả: 2.224.660.000đ.

Lãi của 2.224.660.000đ: 525.266.944đ.

Lãi sơ thẩm tính: 523.165.876đ.

H bị thiệt số tiền lãi: 2.101.068đ nhưng không kháng cáo là có lợi cho H1.